

ĐẶC ĐIỂM ĐA DẠNG THÀNH PHẦN LOÀI THỰC VẬT BẬC CAO TRÊN CẠN TẠI ĐẢO HÒN LAO THUỘC KHU DỰ TRỮ SINH QUYỂN THẾ GIỚI CÙ LAO CHÀM, THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

Trần Ngọc Toàn¹, Bùi Văn Tuấn¹, Trần Hữu Vỹ¹, Hoàng Quốc Huy¹, Lê Viêt Mạnh¹,
Nguyễn Thị Thiên Hương¹, Nguyễn Thị Kim Yên²

¹Trung tâm Bảo tồn Đa dạng sinh học Nước Việt Xanh

²Hội động vật học Frankfurt

TÓM TẮT

Bài báo là kết quả của quá trình khảo sát đa dạng hệ thực vật bậc cao trên cạn ở đảo Hòn Lao thuộc cụm đảo Cù Lao Chàm kéo dài từ tháng 1/2017 đến tháng 1/2018. Nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp điều tra tuyến, định danh loài và điều tra phỏng vấn để xác định hiện trạng thành phần loài và giá trị của hệ thực vật ở khu vực này. Kết quả thống kê được 304 loài thực vật bậc cao trên cạn thuộc 87 họ, 40 bộ, 4 ngành thực vật, bổ sung 187 loài thuộc 68 họ cho hệ thực vật tại khu vực. Trong đó có 5 loài quý hiếm cần được ưu tiên bảo tồn là Cam Đường (*Limnocitrus littoralis*), Gụ lau (*Sindora tonkinensis*), Sến Dưa (*Madhuca pasquieri*), Bù lột (*Melientha suavis*), Thiên tuế Rumphius (*Cycas rumphii*). Người dân trên đảo khai thác và sử dụng 81 loài thực vật cho mục đích thực phẩm ăn uống và cây cảnh đặc biệt là 52 loài sử dụng làm thuốc cây. Những kết quả của nghiên cứu này góp phần xây dựng cơ sở dữ liệu khoa học cho công tác bảo tồn đa dạng sinh học tại Cù Lao Chàm.

Từ khóa: Cù Lao Chàm, đa dạng, đảo Hòn Lao, thực vật bậc cao trên cạn

Characteristic of terrestrial plant species diversity in Hon Lao island, Cu Lao Cham biosphere reserve, Quang Nam province

This article shows the results of an investigation the terrestrial flora in Hon Lao Island, Cu Lao Cham archipelago from January, 2017 to January, 2018. The research used methods such as line survey, species identification, and interview to determine the status of flora species composition and value for using. The results recorded 304 terrestrial plant species belonging to 87 families, 40 orders, 4 plant branches, updated of 187 species belonging to 68 families. In which, there are 5 priority species should be prioritized to protect: *Limnocitrus littoralis*, *Sindora tonkinensis*, *Madhuca pasquieri*, *Melaleuca suavis*, *Cycas rumphius*. 81 plant species were exploited for food and ornament purposes, especially 52 plant species were used for medicine. The results of this study contribute a part of scientific database for biodiversity conservation in Cu Lao Cham.

Keywords: Cu Lao Cham, diversity, Hon Lao island, terrestrial flora

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cù Lao Chàm là một cụm đảo thuộc xã Tân Hiệp, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam, là phần kéo dài về Đông Nam của khối đá granit Bạch Mã - Hải Vân - Sơn Trà, gọi là “phức hệ Hải Vân”, được hình thành cách đây khoảng 230 triệu năm (Lê Đức Tố, 2005). Cụm đảo có 7 đảo lớn, nhỏ với tổng diện tích tự nhiên là 1642,81 ha, trong đó 1388 ha là rừng đặc dụng (Quyết định số 120/QĐ-UBND 9/08/2013), chủ yếu là kiểu Rừng kín thường xanh ẩm nhiệt đới núi thấp và kiểu Rừng nhiệt đới núi thấp. Trong đó, đảo Hòn Lao có diện tích tự nhiên 1400,79 ha và diện tích rừng đặc dụng 1148,25 ha (Lê Trần Chấn, Nguyễn Đình Vạn, 2002). Khu hệ thực vật rừng Cù Lao Chàm được đánh giá là có tính đa dạng cao, đóng vai trò chính trong việc lưu trữ và cung cấp nguồn nước ngầm sạch phục vụ sinh hoạt cho người dân sinh sống ở đảo hằng năm cũng như lượng lớn khách du lịch đến đây và đặc biệt có vai trò điều hòa khí hậu, che chắn và giảm thiểu thiệt hại, ảnh hưởng do thiên tai tác động đến đời sống người dân trên đảo.

Cho đến nay, đã có một số công trình nghiên cứu về đa dạng thành phần loài thực vật trên cạn ở Cù Lao Chàm của Lê Trần Chấn và Nguyễn Đình Vạn (2002) đã ghi nhận 499 loài thực vật bậc cao được chia ra làm nhiều nhóm công dụng khác nhau. Tiếp theo đó, chương trình điều tra nhanh về thành phần cây thuốc trên đảo Hòn Lao đã thống kê sơ bộ được 288 loài thực vật có giá trị dược liệu, trong đó có 171 loài thực vật tự nhiên (Nguyễn Văn Tập, 2006). Đáng chú ý nhất là kết quả điều tra nghiên cứu của Vũ Văn Dũng và Đinh Thị Phương Anh (2015) ghi nhận và thống kê 733 loài thực vật trên các đảo ở Cù Lao Chàm. Ngoài ra, một số tác giả khác gần đây chủ yếu tập trung nghiên cứu chuyên sâu về đặc điểm sinh thái học và sinh trưởng phát triển của loài cây Ngô đồng hoặc đánh giá hiện trạng của một số nhóm thực vật cụ thể như cây thân gỗ; rau ăn được, và cây dược liệu (Hồ Phong *et al.*,

2015; Nguyễn Thị Kim Yến, 2016; Phan Thị Kim Thoa, Nguyễn Thị Kim Yến, 2015; Vũ Văn Dũng, Đinh Thị Phương Anh, 2014, 2016). Nhìn chung, các nghiên cứu này đều có điểm hạn chế là chỉ tập trung khảo sát ở sườn phía Nam của đảo Hòn Lao, và bị giới hạn ở độ cao dưới 150 m so với mực nước biển. Trong khi đó, các đai độ cao từ 150 m trở lên đến đỉnh cao nhất (đỉnh Bãi Bìm) với độ cao 547 m chưa được khảo sát (Nguyễn Văn Tập, 2006; Lê Trần Chấn, Nguyễn Đình Vạn, 2002). Ngoài ra, các nghiên cứu trước đây thống kê bao gồm cả các loài cây trồng trong vườn, rau dại ăn được của người dân sống trên đảo nên thực tế không đánh giá hết được sự đa dạng và các nguồn gen thực vật quý hiếm.

Trong khi đó, sự phát triển mạnh của các dịch vụ du lịch kéo theo nhu cầu về xây dựng các khu du lịch nghỉ dưỡng, mở đường giao thông, khai thác và sử dụng nguồn nước mặt và nước ngầm, gây ra nhiều khó khăn và thách thức cho công tác quy hoạch, quản lý bảo vệ rừng, và phục hồi hệ sinh thái rừng tại đây (Lê Đức Tố, 2005). Trên cơ sở đó, đề án dài hạn được thiết lập nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu thành phần loài thực vật rừng tự nhiên trên cạn tại khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm - Hội An và bài báo này là kết quả thực hiện giai đoạn 1 của đề án tại đảo Hòn Lao.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Khảo sát thành phần loài thực vật trên 12 tuyến với tổng chiều dài 19,0 km, chiều dài mỗi tuyến từ 0,5 - 3,3 km tùy thuộc vào địa hình (hình 3), mỗi tuyến khảo sát lặp lại từ 2 - 4 lần. Các tuyến vuông góc với đường bình độ nhằm đảm bảo đi qua nhiều sinh cảnh khác nhau và đai độ cao khác nhau từ 0 m lên đến 540 m so với mực nước biển. Thời gian khảo sát thực địa, thu mẫu tiêu bản được tiến hành trong 4 đợt, mỗi đợt 10 ngày (từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 10 năm 2017 và 1 đợt bổ sung trong tháng 1 năm 2018).

Thu và xử lý mẫu tiêu bản theo phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn (2007): Thu các bộ phận lá, hoa, quả và rễ (cây thân thảo), mỗi loài thu từ 3 - 5 mẫu. Các mẫu được cắt tía, làm sạch, gắn Etiket ghi số hiệu và thông tin. Mẫu được vuốt phẳng, lá có mặt úp, mặt ngửa, hoa được tách riêng với lá và cành bên cạnh không để dính vào nhau, quả được cắt lát dọc và ngang để đếm số ô của bầu và cách đính noãn của quả, các lát được gắn nhãn riêng có chung số hiệu với mẫu. Mẫu được ép giữa 2 tờ báo với kích thước 30 × 40 cm thành chồng dày khoảng 20 cm, mỗi chồng được kẹp bằng kẹp gỗ và buộc chặt cho mẫu phẳng, cho vào tủ sấy ở nhiệt độ 40°C cho đến khi mẫu khô hoàn toàn. Tủ sấy kích thước 2,2 m × 80 cm × 80 cm (D × R × C) được bố trí tại nhà dân trên đảo để phục vụ công việc sấy và lưu trữ mẫu tiêu bản.

Định danh loài: Xác định tên loài theo bộ tài liệu Flore Générale de l'Indochine (Henri Lecomte *et al.*, 1950), Flore du Cambodge, du Laos et du Vietnam (A Aubréville *et al.*, 1960), Cây cỏ Việt Nam (Phạm Hoàng Hộ, 1999 - 2000), Cây thuốc và vị thuốc Việt Nam (Đỗ Tất Lợi, 2001).

Biên tập bản đồ: Xây dựng bản đồ phân bố các loài thực vật có giá trị và các loài quý hiếm

bằng phần mềm ArcGIS 10.5, trên cơ sở bản đồ nền đảo Cù Lao Chàm cộng với các địa điểm phân bố của loài có đánh dấu bằng máy định vị GPS garmin 62Sc. Lập bản đồ sử dụng hệ quy chiếu VN 2000; múi chiếu 3 độ, kinh tuyến trục 107.45 và nguồn ảnh vệ tinh CNES/Airbus 2016.

Tổng hợp và phân tích số liệu: Số liệu được cập nhật và lưu trữ, phân tích, tính toán bằng ứng dụng có bản quyền Microsoft office Excel. Dữ liệu về phân bố các loài thực vật và các trường dữ liệu có liên quan (51 trường dữ liệu/1 loài) được cập nhật vào phần mềm Excel theo chuẩn đầu vào của phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu thành phần loài BRAHMS phiên bản 7.9 mã nguồn mở.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đa dạng thành phần loài thực vật bậc cao trên cạn trên đảo Hòn Lao

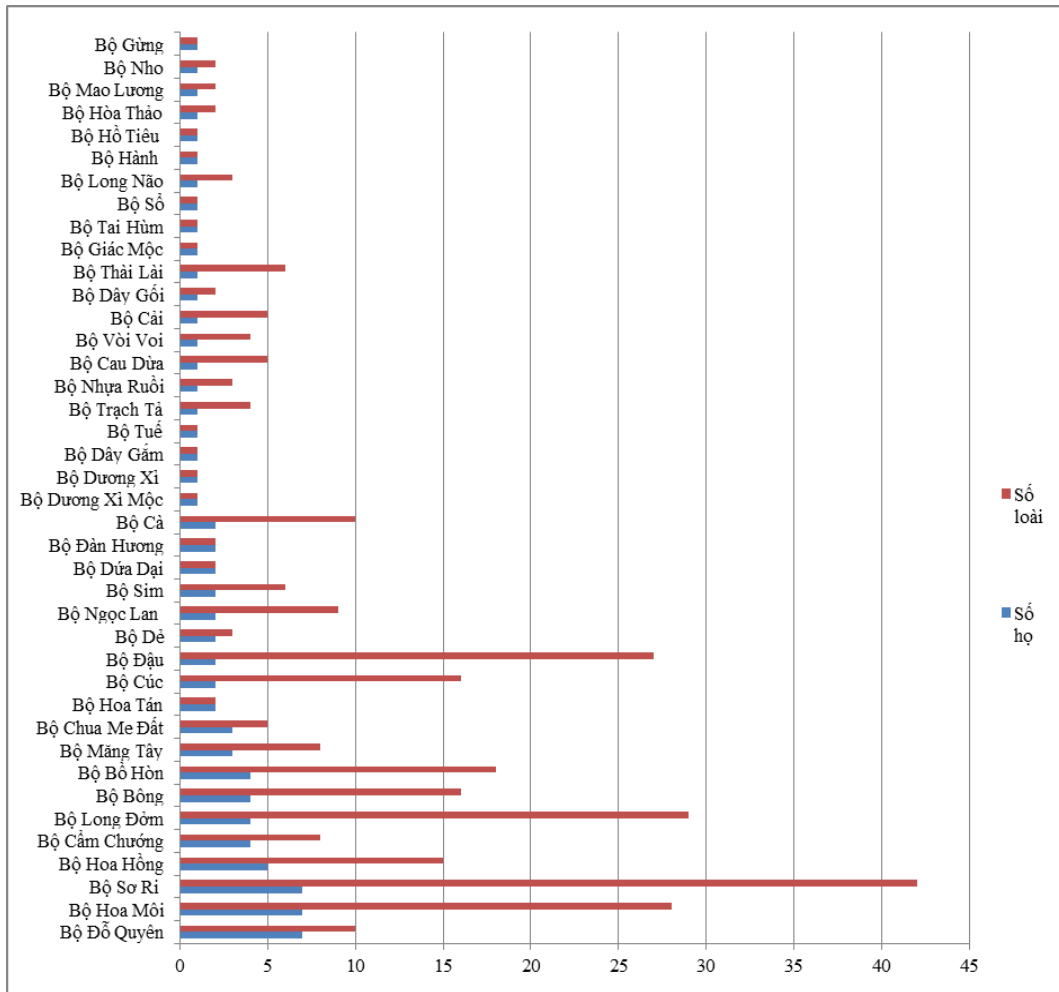
Kết quả khảo sát bước đầu xác định hệ thực vật ở đảo Hòn Lao gồm có 304 loài thực vật bậc cao trên cạn thuộc 87 họ, 40 bộ và 4 ngành thực vật bậc cao (bảng 1). Từ bảng 1 cho thấy sự phân bố của các taxon trong các ngành không đều, ngành Thực vật hạt kín đa dạng nhất với 300 loài chiếm 98,68% tổng số loài, thuộc 83/87 họ và 36/40 bộ trong hệ thực vật ở đây.

Bảng 1. Sự phân bố các ngành thực vật bậc cao trên cạn có mạch ở đảo Hòn Lao

Tên khoa học	Tên Việt Nam	SL bộ	% bộ	SL họ	% họ	SL loài	% loài
Pteridophyta	Ngành Dương xỉ	2	5,0	2	2,3	2	0,7
Gnetophyta	Ngành Dây gắm	1	2,5	1	1,1	1	0,3
Cycadophyta	Ngành Tuế	1	2,5	1	1,1	1	0,3
Angiospermae	Ngành Thực vật hạt kín	36	90,0	83	95,4	300	98,7
Tổng		40	100,0	87	100,0	304	100,0

Trong 40 bộ thuộc 4 ngành thực vật thì bộ Sorri (Malpighiales) có số lượng họ và loài đa dạng nhất với 7 họ và 42 loài (hình 1). Tiếp theo, bộ Long đờm (Gentianales) với 29 loài, 4 họ, bộ Hoa môi (Lamiales) với 28 loài, 4 họ và

bộ Đậu (Fabales) với 27 loài, 2 họ. Một số bộ chỉ có 1 họ và 1 loài chẳng hạn như bộ Gừng (Zingiberales), bộ Hồ tiêu (Piperiales), bộ Hành (Liliales), bộ Sô (Dilleniales)...



Hình 1. Biểu đồ đa dạng thành phần họ và loài trong các Bộ thực vật

Kết quả điều tra đã thống kê 11 họ có sự đa dạng loài cao nhất (bảng 2). Họ Đậu đa dạng nhất với 26 loài chiếm tỉ lệ 8,55% tổng số loài, kế đó là họ Ba mảnh vỏ với 25 loài chiếm tỉ lệ

8,22% tổng số loài. Thấp nhất trong nhóm này là họ Na, họ Hoa mõm sói, họ Cam quýt và họ Bông với 8 loài chiếm tỉ lệ 2,63% tổng số loài ở mỗi họ.

Bảng 2. Các họ đa dạng nhất của hệ thực vật ở đảo Hòn Lao

Stt	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Số loài/Họ	Tỷ lệ %số loài/Họ
1	Họ Đậu	Fabaceae	26	8,55
2	Họ Ba mảnh vỏ	Euphorbiaceae	25	8,22
3	Họ Cà phê	Rubiaceae	15	4,93
4	Họ Cúc	Asteraceae	15	4,93
5	Họ Trúc đào	Apocynaceae	10	3,29
6	Họ Cỏ roi ngựa	Verbenaceae	9	2,96
7	Họ Dâu tằm	Moraceae	9	2,96
8	Họ Bông	Malvaceae	8	2,63
9	Họ Cam quýt	Rutaceae	8	2,63
10	Họ Hoa mõm sói	Scrophulariaceae	8	2,63
11	Họ Na	Annonaceae	8	2,63
11 họ đa dạng nhất (12,64% tổng số họ)			90	29,59

So với các nghiên cứu của Lê Trần Chấn và Nguyễn Đình Vạn (2002); Phan Thị Kim Thoa (2015), Phan Thị Kim Thoa và Nguyễn Thị Kim Yên (2014), nghiên cứu này đã bổ sung

thêm 187 loài thuộc 68 họ thực vật cho danh lục thành phần loài thực vật bậc cao trên cạn ở đảo Hòn Lao (bảng 3).

Bảng 3. Danh lục các loài thực vật bậc cao trên cạn bổ sung cho hệ thực vật ở đảo Hòn Lao - Cù Lao Chàm

STT	Tên loài	
	Tên tiếng Việt	Tên khoa học
1	Họ Ô rô	Acanthaceae
1	Song nõ	<i>Pararuellia hainanensis</i>
2	Cấm	<i>Peristrophe bivalvis</i>
3	Xuân hoa	<i>Pseuderanthemum poilanei</i>
2	Họ Dền	Amaranthaceae
4	Mào gà hoang, Dền	<i>Celosia argentea</i>
5	Nở ngày đất	<i>Gomphrena celosioides</i>
3	Họ Trung quân	Ancistrocladaceae
6	Trung quân lợp nhà	<i>Ancistrocladus tectorius</i>
4	Họ Na	Annonaceae
7	Móng rồng	<i>Artabotrys hexapetalus</i>
8	Bân, Mật hương	<i>Melodorum hahnii</i>
9	Dù dẻ	<i>Rauwenhoffia siamensis</i>
10	Bồ quả	<i>Urvaria sp.</i>
11	Bồ quả Ast; Dù dẻ	<i>Uvaria fauveliana</i>
12	Chuối con chổng	<i>Uvaria grandiflora</i>
5	Họ Trúc đào	Apocynaceae
13	Chè long	<i>Amphineurion marginatum</i>
14	Bông dứa; Dừa nước	<i>Cathartus roseus</i>
15	Mật sất, tốc sất	<i>Cerbera manghas</i>
16	Dây thìa canh	<i>Gymnema silvestre</i>
17	Bên bai	<i>Hunteria zeylanica</i>
18	Mần trây	<i>Ichnocarpus jacquetii</i>
19	N/a	<i>Kopsia arborea</i>
20	Lài trâu	<i>Tabernaemontana sp</i>
21	Đầu đài ấn	<i>Tynophora indica</i>
6	Họ Bùi	Aquifoliaceae
22	Bùi gò dăm	<i>Ilex godajam</i>
23	Bùi Wallich.	<i>Ilex wallichii</i>
7	Họ Ráy	Araceae
24	Ráy ấn	<i>Alocasia macrorrhizos</i>
8	Họ Chân chim	Araliaceae
25	Chân chim quảng trị	<i>Schefflera quangtriensis</i>
9	Họ Cau dứa	Arecaceae
26	Ra lầy	<i>Licuala paludosa</i>

STT	Tên loài	
	Tên tiếng Việt	Tên khoa học
27	Lụi; Mật cật	<i>Rhapis excelsa</i>
10	Họ Thiên lý	Asclepiadaceae
28	N/a	<i>Marsdenia cf. macrophylla.</i>
11	Họ Phát dụ	Asparagaceae
29	Huyết giác	<i>Dracaena cochinchinensis</i>
12	Họ Cúc	Asteraceae
30	Tầm nhày	<i>Centratherum cf. punctatum</i>
31	Yên bạch	<i>Chromolaena odorata</i>
32	Chua lè	<i>Emilia gaudichaudii</i>
33	Bạch đầu ông	<i>Vernonia cinerea</i>
34	Sài đất	<i>Wedelia chinensis</i>
13	Họ Núc nác	Bigniliaceae
35	Rà đẹt hải nam	<i>Radermachera hainanensis</i>
14	Họ Vòi voi	Boraginaceae
36	Cùm rụm	<i>Carmone microphylla</i>
37	Cùm rụm răng	<i>Ehretia dentatta</i>
15	Họ Cáp	Capparaceae
38	Cáp gai nhỏ	<i>Capparis micrantha.</i>
16	Họ Săng mã	Celastraceae
39	Chóp mau xanh	<i>Salacia viridis</i>
40	Xung da; Sang đá	<i>Siphonodon celastrineus</i>
17	Họ Rau trai	Commelinaceae
41	Thài lài	<i>Commelina communis</i>
42	Trai thuốc	<i>Murdannia medica</i>
43	Lõa trai xoắn	<i>Murdannia spirata</i>
44	Lõa trai đổi màu	<i>Murdannia versicolor</i>
18	Họ Bìm bìm	Convolvulaceae
45	Thảo bạc che	<i>Argyrea mollis</i>
46	Lân hùng hai tuyến	<i>Lepistemon binectariferum</i>
47	Tâm điểm	<i>Stictocardia tillifolia</i>
19	Họ Giác mộc	Cornaceae
48	Búi cây	<i>Mastixia arborea</i>
20	Họ Thuốc bỏng	Crassulaceae
49	Trường sanh, thuốc bỏng	<i>Kalanchoe pinnata</i>
21	Họ Dương xỉ mộc	Cyathaceae
50	Dương xỉ thân gỗ	<i>Cyathea grabla</i>
22	Họ Cói	Cyperaceae
51	U du	<i>Cyperus eragrostis</i>
23	Họ Dầu	Dipterocarpaceae
52	Tấu mật, Vu	<i>Vatica cinerea</i>
24	Họ Thị	Ebenaceae
53	Thị Đầu heo	<i>Diospyros malabarica</i>

STT	Tên loài	
	Tên tiếng Việt	Tên khoa học
25	Họ Côm	Elaeocarpaceae
54	Côm Harmand	<i>Elaeocarpus harmandii</i>
26	Họ Ba mảnh vỏ	Euphorbiaceae
55	Da gà	<i>Actephila macrantha</i>
56	Chòi mò	<i>Antidesma acidum</i>
57	Chòi mò khó phân	<i>Antidesma ambiguum</i>
58	Chòi mò collet	<i>Antidesma bunius</i>
59	Chòi mò mảnh	<i>Antidesma japonicum</i>
60	Tai ghé	<i>Aporusa cf. mirostachya</i>
61	Sang đàng Poilane	<i>Blachia polanei</i>
62	Đỏm lông	<i>Bridelia monoica</i>
63	N/a	<i>Cleistanthus cunninghamii</i>
64	Lưỡng hình dài	<i>Dimorphocalyx poilanei</i>
65	Cỏ sữa lớn lá	<i>Euphorbia hirta</i>
66	Bóng nõ	<i>Flueggea virosa</i>
67	Sóc láng	<i>Glochidion laevigatum</i>
68	N/a	<i>Leptopus australis</i>
69	Bạch đàn	<i>Mallotus floribundus</i>
70	Ruối tròn dài	<i>Mallotus oblongifolius</i>
71	Ruối resin	<i>Mallotus resinusus</i>
72	Thầu dầu tía	<i>Ricinus communis</i>
73	Bông ngót hoa to	<i>Sauropus macranthus</i>
74	Tam thụ hùng Gaudichaud	<i>Trigonostemon gaudichaudii</i>
27	Họ Đậu	Fabaceae
75	Keo tuyến to	<i>Acacia megaladina</i>
76	Hàng the	<i>ALysicarpus vaginalis</i>
77	N/a	<i>Antheroporum sp.</i>
78	Móng bò	<i>Bauhinia cf. coccinea</i>
79	N/a	<i>Callerya cf. atropurpurea</i>
80	Đậu Giao	<i>Canavalia cathartica</i>
81	Sục sặc lõm	<i>Crotalaria retusa</i>
82	Sục sặc ba lá	<i>Crotalaria zanzibarica</i>
83	Châm bia ăn trâu	<i>Dalbergia pinnata</i>
84	Đông ba Lecomte	<i>Dunbaria lecomtei</i>
85	Keo giậu; Bọ chết	<i>Leucoena leucocephala</i>
86	Mát đen	<i>Millettia nigrescens</i>
87	Mai dương	<i>Mimosa pigra</i>
88	Chàng ràng	<i>Ormosia pinnata</i>
89	Lim xẹt	<i>Peltophorum pterocarpum</i>
90	Gụ lau	<i>Sindora tonkinensis</i>
28	Họ Dẻ	Fagaceae
91	Sồi bán cầu	<i>Lithocarpus corneus</i>
92	Dẻ quả dẹt	<i>Quercus helferiana</i>

STT	Tên loài	
	Tên tiếng Việt	Tên khoa học
29	Họ Hồng quân	Flacourtiaceae
93	Cây Kén	<i>Casearia grewiifolia</i>
94	Hồng quân	<i>Flacourtia rukkam</i>
95	Nhọ nôi ô rô	<i>Hydnocarpus ilicifolia</i>
96	Bóm dử	<i>Scolopia saeva</i>
30	Họ Bứa	Guttiferae
97	Thành ngạnh nam	<i>Cratoxylum cochinchinensis</i>
98	Vàng nhựa	<i>Garcinia dulcis</i>
99	Mai mù u; Bạch mai	<i>Ochrocarpos siamensis</i>
100	Trau trấu	<i>Ochrocarpus siamensis</i>
31	Họ Chẹo	Julangdaceae
101	Chẹo bông	<i>Engelhardia spicata</i>
32	Họ Hoa môi	Lamiaceae
102	Tử châu lá to	<i>Callicarpa macrophylla</i>
103	Ngọc nữ	<i>Clerodendrum gaudichaudii</i>
104	Mè đất nhám, Bạch thiệt	<i>Leucas aspera</i>
105	Bạch thiệt mềm	<i>Leucas mollissima</i>
33	Họ Quế	Lauraceae
106	Cà đuối tam - hùng.	<i>Dehaasia triandra</i>
34	Họ Mã tiền	Loganiaceae
107	Củ chi, Kén	<i>Strychnos angustiflora</i>
108	Mã tiền sáng	<i>Strychnos lucida</i>
35	Họ Bông	Malvaceae
109	Ké hoa vàng	<i>Abutilon fruticosum</i>
110	Bồ dại, Rộp	<i>Corchorus aestuans</i>
111	Bái trắng	<i>Sida cordifolia</i>
112	Bụp	<i>Thespesia populnea</i>
36	Họ Mua	Melastomataceae
113	Mua	<i>Melastoma septemnerivium</i>
114	Sâm láng	<i>Memecylon lilacinum</i>
37	Họ Xoan	Meliaceae
115	Gội trái to	<i>Aglaia cf. macrocarpa</i>
116	N/a	<i>Aglaia lawii</i>
38	Họ Dâu tằm	Moraceae
117	Da cao	<i>Ficus altissima</i>
118	Sung sóng	<i>Ficus costata</i>
119	Sung xoài	<i>Ficus depressa</i>
120	Sung trỏ	<i>Ficus variegata</i>
121	Mỏ quạ	<i>Maclura cochinchinensis</i>
39	Họ Máu chó	Myristicaceae
122	Máu chó lá nhỏ	<i>Knema globularia</i>
40	Họ Cơm nguội	Myrsinaceae

STT	Tên loài	
	Tên tiếng Việt	Tên khoa học
123	Cơm nguội	<i>Ardisia splendens</i>
41	Họ Sim	Myrtaceae
124	Trâm dày	<i>Syzygium</i>
125	Trâm bò đào	<i>Syzygium cf. jambos</i>
126	Trâm vỏ đỏ.	<i>Syzygium zeylancium</i>
42	Họ Mai	Ochnaceae
127	Mai đỏ	<i>Ochna atropurpurea</i>
43	Họ Dương đài	Olacaceae
128	Dương đài kết lợp	<i>Olax imbricata</i>
44	Họ Lài	Oleaceae
129	Vàng trâu	<i>Jasminum nervosum</i>
130	Vàng xê	<i>Jasminum pentaneurum</i>
45	Họ Rau sắn	Opiliaceae
131	Bù lột	<i>Melientha suavis</i>
46	Họ Lan	Orchidaceae
132	Tuyết mai	<i>Dendrobium hendersonii</i>
133	Lan hoại sinh	<i>Didymoplexiella siamensis</i>
134	Hà biện răng	<i>Habenaria dentata</i>
47	Họ Chua me đất	Oxalidaceae
135	Me đất hường	<i>Oxalis corymbosa</i>
93	Họ Dứa dại	Pandanaceae
136	Dứa Việt	<i>Pandanus odoratissimus</i>
48	Họ Lồng đèn	Passifloraceae
137	Lồng đèn	<i>Passiflora moluccana</i>
49	Họ Mã đề	Plantaginaceae
138	Rau đắng lá tròn	<i>Bacopa rutundifolia</i>
50	Họ Kịch nữ	Polygalaceae
139	Kịch nữ lang bian	<i>Polygala glomerata</i>
51	Họ Rau răm	Polygonaceae
140	Nghê	<i>Polygonum pulchrum</i>
52	Họ Ráng gặt nai	Pteridaceae
141	Ráng gặt nai	<i>Ceratopteris siliquosa</i>
53	Họ Sơn mục	Ranunculaceae
142	Dây vàng trắng	<i>Clematis meyeniana</i>
143	BTích lan	<i>Naravelia zeylanica</i>
54	Họ Táo	Rhamnaceae
144	Đồng	<i>Ventilago fasigera</i>
55	Họ Đuối	Rhizophoraceae
145	Xăng mã chẻ	<i>Carallia brachiata</i>
56	Họ Rubiaceae	Rubiaceae
146	Dành dành thái lan	<i>Gardenia sootepensis</i>
147	N/a	<i>Hedyotis brachiata</i>

STT	Tên loài	
	Tên tiếng Việt	Tên khoa học
148	An điền đầu	<i>Hedyotis capitellata</i>
149	Nhàu mặt quỷ	<i>Morinda umbellata</i>
150	Kiềng	<i>Neonauclea calycina</i>
151	Lấu	<i>Psychotria hoffmannseggiana</i>
152	Căng hai hột	<i>Psydrax dicoccos</i>
153	Găng cao	<i>Rothmannia eucodon</i>
154	N/a	<i>Spermacoce articularis</i>
155	Ruột ga	<i>Spermacoce exilis</i>
57	Họ Cam quýt	Rutaceae
156	Bí bái, Bai bái	<i>Acronychia pedunculata</i>
157	Quất rừng	<i>Atalantia rotundifolia</i>
158	Cơm rượu	<i>Glycosmis pentaphylla</i>
159	Cam đường, Đa tử biển	<i>Limnocitrus littoralis</i>
160	Lá cari	<i>Murraya koenigii</i>
58	Họ Bồ hòn	Sapindaceae
161	Tuyết hùng	<i>Adenostemma lavenia</i>
162	Tầm phồng	<i>Cardiospermum halicacabum</i>
163	Chành ràng	<i>Dodonea viscosa</i>
164	Trường	<i>Xerospermum noronhianum</i>
59	Họ Hồng xiêm	Sapotaceae
165	Sén dưa; Lầu	<i>Madhuca pasquieri</i>
166	N/a	<i>Mimusops roxburghiana</i>
167	N/a	<i>Sideroxylon cf. wightianum</i>
60	Họ Hoa mõm sói	Scrophulariaceae
168	Búp lệ á	<i>Buddleia asiatica</i>
169	Rau om	<i>Limnophila aromatica</i>
170	Om trung quốc	<i>Limnophila chinensis</i>
171	Lữ đẳng trăn	<i>Lindernia viscosa</i>
172	Tô liên cùng màu	<i>Torenia concolor</i>
61	Họ Cà	Solanaceae
173	Thù lù cạnh	<i>Physalis angulata</i>
174	Cà gai leo	<i>Solanum procumbens</i>
62	Họ Trôm	Sterculiaceae
175	Ngô đồng	<i>Firmiana colorata</i>
176	Cui biển	<i>Heritiera angustata</i>
177	Trứng cua	<i>Melochia nodiflora</i>
178	Trôm hoa nhỏ	<i>Sterculia parviflora</i>
63	Họ Dung	Symplocaceae
179	Dung lá trà	<i>Symplocos cochinchinensis</i>
64	Họ Chè	Theaceae
180	Chơn trà nhật	<i>Eurya japonica</i>

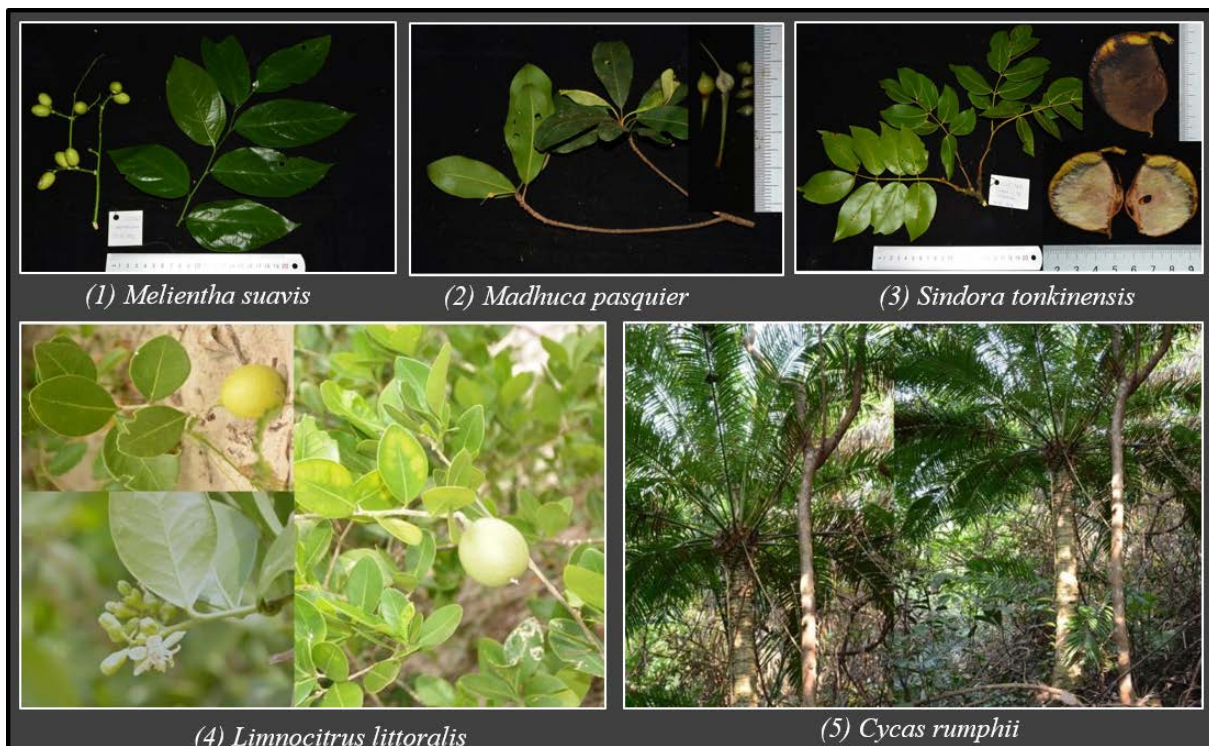
STT	Tên loài	
	Tên tiếng Việt	Tên khoa học
65	Họ Cò ke	Tiliaceae
181	Bang; Lác hoa; Lò bó	<i>Brownlowia tabularis</i>
182	Bù lốt	<i>Grewia bulot</i>
66	Họ Cây ngứa	Urticaceae
183	Rum trung bộ	<i>Poikilospermum annamensis</i>
67	Họ Cỏ roi ngựa	Verbenaceae
184	Thơm ổi	<i>Lantana camara</i>
185	Bội tinh	<i>Sphenodesme griffithiana</i>
186	Bình linh	<i>Vitex tripinnata</i>
68	Họ Nho	Vitaceae
187	Dây nôi	<i>Cissus adnata</i>

Ghi chú: *sp.* = các loài chưa thể định danh chính xác đến loài; *N/a* = các loài không có tên tiếng Việt tương ứng với tên khoa học hoặc các loài mới chỉ định danh đến chi.

3.2. Các loài thực vật bậc cao cần ưu tiên bảo tồn

Trong tổng số 304 loài ghi nhận ở đảo Hòn Lao, có 5 loài thực vật cần ưu tiên bảo tồn với mức độ sắp nguy cấp (VU) và nguy cấp (EN) theo Sách đỏ Việt Nam (2007), Danh lục đỏ

IUCN 2017 hoặc thuộc nhóm quý hiếm IIA theo Nghị định số 32/2006/NĐ-CP (hình 3). Đó là các loài Bù lốt (*Melientha suavis*), Gụ lau (*Sindora tonkinensis*), Sền dưa (*Madhuca pasquieri*), Cam đường (*Limnocitrus littoralis*) và Thiên tuế (*Cycas rumphii*) (hình 2).

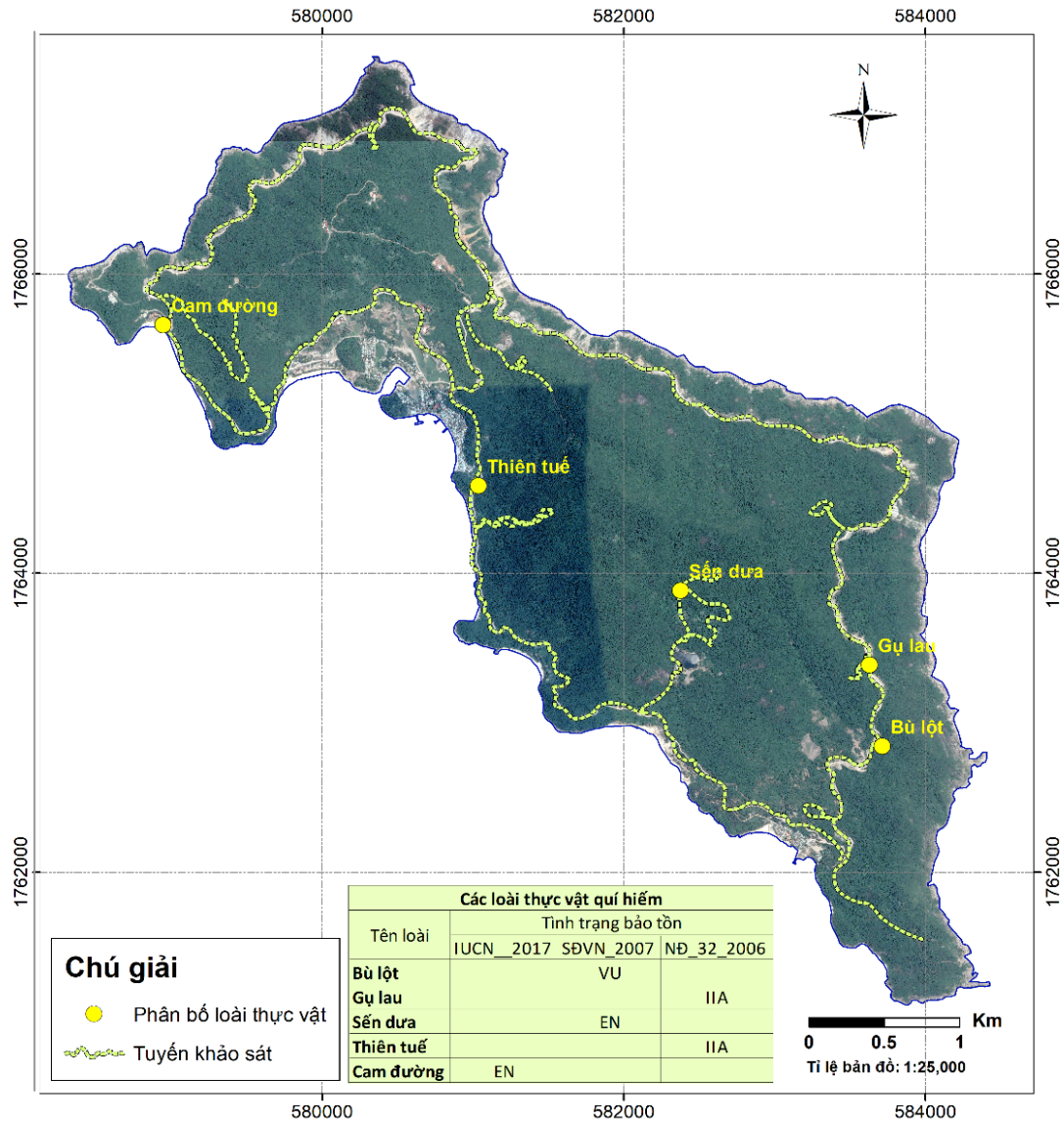


Hình 2. Các loài thực vật cần ưu tiên bảo tồn ở đảo Hòn Lao

Kết quả điều tra phỏng vấn cho thấy loài Bù lột được người dân địa phương trên đảo hái quả để làm thực phẩm, lá dùng nấu canh ăn thay rau; loài Thiên tuế được trồng quanh nhà làm cây cảnh, bóng mát; lá loài Gụ lau dùng nấu uống. Ngoài ra, loài Cam đường với hàm lượng tinh dầu cao là một trong các vị thuốc được dùng để chữa bệnh phổi và ghê (Nguyễn

Thị Thương, 2012), Sến dưa được dùng để trị dạ dày, bồng (Sách đỏ Việt Nam, 2007).

Việc khai thác thiếu kiểm soát các loài này sẽ ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của chúng. Tại thời điểm nghiên cứu, tần suất bắt gặp các loài này rất thấp trên đảo Hòn Lao (hình 3).



Hình 3. Bản đồ phân bố các loài thực vật quý hiếm tại Hòn Lao, Cù Lao Chàm

3.3. Giá trị sử dụng của thực vật ở đảo Hòn Lao

Quá trình khảo sát đã thu mẫu tiêu bản của 81 loài thực vật được người dân trên đảo Hòn Lao

khai thác theo các nhu cầu sử dụng khác nhau (bảng 4). Trong đó người dân sử dụng 33 loài thực vật làm thức ăn (chủ yếu là rau ăn) và 22 loài dùng lá uống. Ngoài ra một số loài được dùng làm cây cảnh và lấy bóng mát.

Bảng 4. Giá trị sử dụng của nguồn tài nguyên thực vật ở đảo Hòn Lao

Công dụng	Số loài	Tỉ lệ % tổng số loài
Lá uống	22	7,24
Thực ăn	33	10,86
Cây cảnh, bóng mát	16	5,26
Lá uống; thực ăn	6	1,97
Lá uống; cây cảnh, bóng mát	1	0,33
Thực ăn; cây cảnh, bóng mát	3	0,99
Tổng số	81	26,65

Kết quả phỏng vấn cho thấy trong số các loài thực vật được người dân khai thác làm lá uống, có 52 loài là cây thuốc theo tài liệu “Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam” (Đỗ Tất Lợi, 2005), với các dạng sống là cây gỗ, bụi, leo và cây thân thảo. Đại diện nhóm này là Dẻ - (*Uvaria fauveliana*); Cầm đàn - (*Limnocitrus littoralis*); Cam thảo dây (*Abrus precatorius*); Sộp (*Ficus superba*); Dầu đất (*Baccaurea ramiflora*); Dứa dại (*Pandanus odoratissimus*); Dung (*Symplocos cochinchinensis*); Hà thủ ô (*Streptocaulon juvenas*); Lá gói (*Mallotus floribundus*);...

Các nhóm loài thực vật có giá trị ở Cù Lao Chàm là nhóm đối tượng được nghiên cứu đầy đủ nhất với các số liệu rõ ràng và đánh giá cụ thể về vai trò cũng như tiềm năng phát triển. Các nghiên cứu này tập trung vào nhóm thực vật dùng làm cây lá uống, dược liệu và nhóm rau rừng vốn được người dân khai thác, buôn bán nhiều trên đảo. Lê Trần Chân và Nguyễn

Đình Vạn (2002) đã đưa ra 116 loài cây thuốc có tại Cù Lao Chàm trong tổng số 342 loài thực vật có ích. Nhóm các loài thực vật là rau rừng được người dân khai thác sử dụng làm thực phẩm và buôn bán được Phạm Thị Kim Thoa và Nguyễn Thị Kim Yến (2014) công bố 43 loài thực vật, thuộc 30 họ.

IV. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu đã ghi nhận 304 loài thực vật bậc cao trên cạn thuộc 87 họ, 40 bộ, 4 ngành thực vật, bổ sung cho hệ thực vật rừng ở đảo Hòn Lao 187 loài thuộc 68 họ thực vật mà trước đây các tài liệu chưa có. Trong đó có 5 loài nguy cấp, quý, hiếm cần được ưu tiên bảo tồn là loài Cam đường (*Limnocitrus littoralis*), Sến dừa (*Madhuca pasquieri*), Bù lột (*Melientha suavis*), Gụ lau (*Sindora tonkinensis*), Thiên tuế (*Cycas rumphii*).

81 loài thực vật được người dân khai thác và sử dụng cho các mục đích rau ăn, lá uống, làm cảnh và lấy bóng mát, đặc biệt là 52 loài sử dụng làm thuốc theo kinh nghiệm của người dân vùng đảo. Các loài Bù lột, Gụ lau và Thiên tuế được người dân khai thác làm thức ăn, lá uống và cây cảnh. Số lượng các loài này hiện còn rất ít, chỉ bắt gặp tại một số vị trí trên đảo Hòn Lao.

LỜI CẢM ƠN

Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn đến Khu dự trữ sinh quyển, Ban Quản lý Khu Bảo tồn biển Cù Lao Chàm, thành phố Hội An đã tạo điều kiện về kinh phí để chúng tôi thực hiện nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A Aubréville, Tardieu - Blot Mme, Jean - F Leroy, Philippe Morat, 1960. Flore du Cambodge, du Laos et du Vietnam. Museum National d'Histoire Naturelle, Paris. 59 pp.
2. Đỗ Tất Lợi, 2005. Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam, Nxb Y Học. 1021 trang.
3. Henri Lecomte, H Humbert, Francois Gagnepain, 1950. Flore générale de l'Indochine. Paris: Masson. 908 pp.
4. Hồ Phong, Đình Thị Phương Anh, Phạm Thị Hợi, 2015. Đánh giá tiềm năng kinh tế xã hội của cây Ngô đồng ở Cù Lao Chàm, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Tạp chí Khoa học & Giáo dục trường ĐH Sư phạm, ĐH Đà Nẵng. Số 16(03): 55 - 63.

5. Lê Đức Tố, 2005. Báo cáo tổng kết của đề tài KC.09.12 “Luận chứng khoa học về mô hình phát triển kinh tế - sinh thái và du lịch đảo Cù Lao Chàm, Hà Nội. 139 trang.
6. Lê Trần Chấn và Nguyễn Đình Vạn, 2002. Báo cáo “Hệ thực vật Cù Lao Chàm và các đảo lân cận”, Dự án “Thực nghiệm mô hình phát triển kinh tế - Sinh thái và du lịch đảo Cù Lao Chàm”. Ký hiệu KC.09 - 12 Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2002.
7. Nguyễn Nghĩa Thìn, 2007. Các phương pháp nghiên cứu thực vật. NXB Đại học Quốc gia. 166 trang.
8. Nguyễn Thị Thương, 2012. Luận văn thạc sĩ Dược học. Nghiên cứu đặc điểm thực vật và thành phần hóa học cây Đa tử biển ở Ninh Thuận. Hà Nội. 77 trang.
9. Nguyễn Văn Tập, 2006. Nghiên cứu cây thuốc Cù Lao Chàm. Viện Dược liệu, Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm, Quảng Nam.
10. Phạm Hoàng Hộ, 1999. Cây Cỏ Việt Nam, Quyển I, II, III. Nhà xuất bản Trẻ Việt Nam.
11. Phạm Thị Kim Thoa, 2015. Đa dạng thực vật thân gỗ tự nhiên và hiện trạng khai thác tài nguyên thực vật rừng tại khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm - thành phố Hội An. Tạp chí KHLN, số 1: 3669 - 3677.
12. Phạm Thị Kim Thoa, Nguyễn Thị Kim Yến, 2014. Đa dạng sinh học các loài rau rừng có giá trị tại khu Dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm, thành phố Hội An, Tạp chí KHLN, số 4 : 2968 - 2975.
13. Sách đỏ Việt Nam, phần II, Thực vật. Nxb Khoa học tự nhiên và công nghệ. Hà Nội. 611 trang.
14. The IUCN Red List of Threatened Species. Version 2018.3. <www.iucnredlist.org>. Downloaded on 09 October 2018.
15. Vũ Văn Dũng, Đinh Thị Phương Anh, 2014. Hiện trạng khai thác và sử dụng các loài thực vật làm nước uống của cộng đồng cư dân đảo Hòn Lao, Cù Lao Chàm. Tạp chí Khoa học & Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm, số 13 (04): 6 - 10.
16. Vũ Văn Dũng, Đinh Thị Phương Anh, 2015. Tính đa dạng hệ thực vật của đảo Hòn Lao, Cù Lao Chàm, tỉnh Quảng Nam. Tạp chí Khoa học Công nghệ Đại học Đà Nẵng; Số 05(90): 133 - 143.
17. Vũ Văn Dũng, Đinh Thị Phương Anh, 2016. Đặc điểm hình thái và sinh thái cây Ngô đồng đỏ ở Cù Lao Chàm. Hội nghị khoa học Quốc gia về nghiên cứu và giảng dạy Sinh học ở Việt Nam lần thứ 2, Đà Nẵng, trang 197 - 203.

Email tác giả chính: tranngoctoan@greenviet.org

Ngày nhận bài: 15/10/2018

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 10/12/2018

Ngày duyệt đăng: 15/12/2018